

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động
của Văn phòng Chương trình công nghệ sinh học năm 2011**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/09/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-BNN-TC ngày 24/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2011 cho Văn phòng Bộ (đợt 1);

Xét đề nghị tại văn bản số 147/KHCN ngày 10/03/2011 của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí hoạt động của Văn phòng Chương trình công nghệ sinh học năm 2011;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí hoạt động của Văn phòng Chương trình công nghệ sinh học năm 2011 như sau:

- Nguồn kinh phí: Sự nghiệp kinh tế nông nghiệp (Loại 010-013), kinh phí không tự chủ.

- Tổng kinh phí: 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ, năm trăm triệu đồng*), bao gồm:

Nội dung	Số tiền (tr. đồng)	Ghi chú
1. Hoạt động chung của Chương trình và Đề án	1.006	Phụ lục 1
2. Quản lý nhà nước các đề tài, dự án của Chương trình và Đề án	1.314	Phụ lục 2
3. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về Chương trình	900	Phụ lục 3
4. Hợp tác quốc tế của Chương trình: Tham gia hội nghị, hội thảo, các khóa bồi dưỡng kiến thức quản lý chương trình của cán bộ văn phòng, cán bộ kiêm nhiệm có liên quan đến Chương trình tại nước ngoài	180	Văn phòng Bộ duyệt dự toán chi tiết đoàn ra
5. Chi khác (đăng quảng cáo mời thầu đề tài, dự án, bưu chính ...)	100	

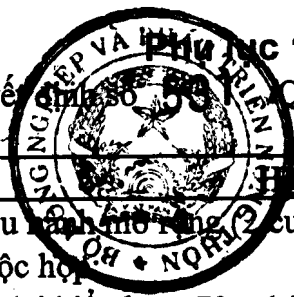
Điều 2. Căn cứ dự toán được phê duyệt, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chánh Văn phòng Chương trình CNSH tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chánh Văn phòng Chương trình CNSH Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TC.





Phụ lục 1. Chi tiết hoạt động chung

(Kèm theo Quyết định số 3565/QĐ-BNN-TC ngày 22/03/2011 của Bộ Nông nghiệp - PTNT)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Họp Ban điều hành Văn phòng (2 cuộc, mỗi cuộc 2 buổi, 70 đại biểu) Chi tiết 1 cuộc họp: - Bồi dưỡng đại biểu họp: 70 x 140 = 9.800.000đ - Photocopy tài liệu: 150.000đ - Nước uống: 50.000đ Cộng: 10.000.000đ	20.000	
2	Hội nghị, hội thảo chuyên đề của Chương trình (Phổ biến nội dung, kiến thức công nghệ sinh học, phổ biến chủ trương, chính sách của Chương trình, hội thảo chuyên khảo về công nghệ sinh học)	220.000	Duyệt chi tiết sau
2.1	Hội thảo khoa học triển khai nội dung khoa học, khảo nghiệm cây trồng biến đổi gen của Chương trình tại Đà Nẵng	80.000	
3	Các cuộc họp, hội nghị, hội thảo khác liên quan đến nội dung Chương trình (triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đào tạo của chương trình)	70.000	
4	Hoạt động của Văn phòng Chương trình	616.000	
4.1	Sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị văn phòng cho Văn phòng Công nghệ sinh học Nông nghiệp	30.000	
4.2	Bổ sung một số thiết bị và dụng cụ văn phòng (máy tính để bàn, máy tính xách tay, bàn, ghế, tủ, kệ, giá sách...)	60.000	
4.3	Văn phòng phẩm cho Văn phòng Công nghệ sinh học NN	30.000	
4.4	Mua sách, báo chuyên ngành công nghệ sinh học, văn bản quy phạm pháp luật khoa học công nghệ, từ điển, sách tra cứu, tra cứu tin tức, thông tin...	10.000	
4.5	Thuê hợp đồng lao động ngắn hạn, hợp đồng công việc phục vụ các nội dung chương trình (biên dịch tài liệu, dịch thuật, rà soát hồ sơ đào tạo...). Hệ số lương 2,34 x 12 tháng	21.060	
4.6	Điện thoại của văn phòng Công nghệ sinh học NN	25.000	
4,7	Công tác phí phục vụ kiểm tra, giám sát cho cán bộ của văn phòng, các Vụ có liên quan, hội đồng khoa học công nghệ, các tổ chức phục vụ Chương trình: Vận chuyển: 6.500đ/km, tại miền Nam thêm vé máy bay: 4.088.000đ/người/lượt Công tác phí (tiền ăn, tiền ngủ, lưu trú...) thực hiện theo Quyết định số 3565/QĐ-BNN-TC ngày 31/12/2010 của Bộ NN&PTNT	439.940	
	Cộng	1.006.000	

Một tỷ không trăm lẻ sáu triệu đồng.

**Phụ lục 3. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức
về Chương trình.**

(Kèm theo Quyết định số **531** /QĐ-BNN-TC ngày **22/03/2011** của Bộ Nông nghiệp - PTNT)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Xuất bản sách, tài liệu phổ biến kiến thức của Chương trình	92.000	Chi tiết duyệt sau
2	Xây dựng Chương trình phổ biến kiến thức công nghệ sinh học trên phương tiện thông tin đại chúng	300.000	Chi tiết duyệt sau
3	Nghiên cứu xây dựng chính sách đánh giá và quản lý rủi ro vi sinh vật biến đổi gen sử dụng trong ngành nông nghiệp.	200.000	Giao Viện KHNN VN xây dựng dự toán và thực hiện
4	Nâng cấp cập nhật thông tin cho trang WEB, cơ sở dữ liệu của Chương trình năm 2009	308.000	Chi tiết duyệt sau
	Tổng	900.000	

Chín trăm triệu đồng.

15



**Chi tiết mục quản lý nhà nước các
đề tài, dự án của Chương trình**

(Kèm theo Quyết định số 682/QĐ-BNN-TC ngày 22/03/2011 của Bộ Nông nghiệp - PTNT)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Phụ cấp cho thành viên Ban điều hành CT, nhân viên văn phòng, các cán bộ kiêm nhiệm thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT: Trưởng ban: 400.000đ/th x 12tháng = 4.800.000đ Phó ban : 350.000đ/th x 12tháng = 4.200.000đ Ủy viên thư ký: 300.000đ/th x 12tháng = 3.600.000đ Chánh văn phòng CT: 300.000đ/th x 12tháng = 3.600.000đ Các ủy viên, nhân viên văn phòng, cán bộ kiêm nhiệm (theo Quyết định số 682/QĐ-BNN-KHCN): 25 người x 250.000đ/tháng x 12 tháng = 75.000.000đ Tổng cộng 91.200.000 đ	91.200	
2	Xây dựng đề bài được duyệt (40 nhiệm vụ x 1.500.000đ)	60.000	
3	Hội đồng KHCN tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, thẩm định các đề tài, dự án.	1.162.800	
	<i>Dự toán chung 1 buổi họp Hội đồng theo thông tư 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN, Hội đồng dự kiến 11 thành viên, 1 thư ký hành chính Chủ tịch: 300.000đ; 10 ủy viên: 10 x 200.000 = 2.000.000đ; 1 thư ký hành chính: 150.000 đ 5 khách mời 5 x 70.000 = 350.000đ; Photocopy = 100.000đ Cộng = 2.900.000đ</i>		
-	Hội đồng KHCN tư vấn xác định mục tiêu nhiệm vụ KHCN, thẩm định dự án (lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, vi sinh, chăn nuôi, thú y, thủy sản). 30 buổi x 2.900.000đ= 87.000.000đ	87.000	
-	Hội đồng KHCN tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án, thẩm định thông số trang thiết bị. (40 nhiệm vụ); Các Hội đồng KHCN tư vấn thẩm định, Hội đồng lựa chọn thông số kỹ thuật cho dự án tăng cường trang thiết bị (5 dự án)	567.000	
	<i>Tính cho 1 nhiệm vụ, 2 hồ sơ, 2 phản biện. Họp 2 phiên: = 2.900.000đ x 2 = 5.400.000đ 2 phản biện x 450.000đ x 2 hồ sơ = 1.800.000đ 9 nhận xét của thành viên Hội đồng x 300.000đ x2 hồ sơ= 5.400.000đ Cộng: 12.600.000đ</i>		
	Lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, vi sinh, chăn nuôi, thú y, thủy sản: 45 nhiệm vụ x 12.600.000 = 567.000.000đ		
-	Thẩm định nội dung tài chính nhiệm vụ KHCN	95.540	
	<i>Thẩm định các đề tài đã qua tuyển chọn (Hội đồng thẩm định 11 thành viên): Họp 1 buổi/1 đề tài = 250.000đ + 10x200.000đ = 2.250.000đ Photocopy tài liệu: 100.000đ; Nước uống: 3500x11= 38.500đ Cộng 1 đề tài: 2.388,500đ 40 đề tài, dự án x 2.388.000đ=95.540.000đ</i>		

TT	Hạng mục	Số tiền	Ghi chú
-	Hội đồng KHCN nghiệm thu đề tài, dự án kết thúc <i>(1 Hội đồng dự kiến 1 chủ tịch (400.000đ), 8 thành viên (2.400.000đ), 1 thư ký hành chính (150.000đ) 2 phần biện (2.000.000đ), 7 nhận xét của ủy viên (4.200.000đ), 2 chuyên gia (2.000.000đ) (5 đại biểu (350.000đ) họp nghiệm thu 1 buổi), photocopy: 200.000đ, nước uống: 60.000đ Tổng cộng 11.760.000đ/ 1 hội đồng/ 1 đề tài</i>	376.320	
	Lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, vi sinh, chăn nuôi, thú y, thủy sản: 32 nhiệm vụ x 11.500.000 = 376.320.000đ		
-	Dự phòng chi khác cho Tiểu mục	36.940	
	Tổng	1.314.000	

Một tỷ ba trăm mười bốn triệu đồng.